TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:64/2018/QĐST-HNGĐ

Như Thanh, ngày 11 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - Sinh ngày 22/12/1990
Nơi ĐKHKTT: Khu phố 4, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh **Trần Quang H** - Sinh ngày 01/6/1988
Nơi ĐKHKTT: Khu phố 4, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Trần Quang H.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang H thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang H thống nhất: Vợ chồng có một con chung là Trần Thiện M, sinh ngày 12/03/2016.

Hai bên thỏa thuận: Chị T trực tiếp nuôi cháu M, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang H thống nhất: Chị T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và nộp thay cho anh H 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí chị T phải chịu và nộp thay cho anh H được trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2015/0006898 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh - Thanh Hoá. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH

Thẩm phán

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Thi hành án (để thi hành);
- UBND TT. B;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh;
- Lưu Hồ sơ.

Lê Đình Huy